

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT  
Ngày 06 - 5 - 2024  
V/v: “Tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản chung”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương

**Các Thẩm phán:**

Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2023/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Danh Hoài P**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

- **Bị đơn:** Bà **Phan Bích Q**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

**Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn:** Luật sư **Trương Thanh V**, Văn phòng luật sư **Nguyễn T-HG** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh H.**

Địa chỉ: **Số C, đường N, khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Thị N** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

2. Ông **Danh S** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

3. Bà **Dương Thị P1** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

4. Ông **Phan Văn N1** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

5. Bà **Trần Thị Bích T1** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang** (vắng mặt).

6. Ông **Nguyễn Khải H** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

7. Chị **Phan Thị Bích D** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

8. Chị **Phan Thị Bích L** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.**

9. Ông **Trần Mỹ S1** (vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

10. **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** (gọi tắt là **B**).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Thanh T2** – Giám đốc **Phòng G** (vắng mặt).

11. **Ngân hàng C**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Quốc V1** – Giám đốc **Phòng G** (vắng mặt).

Do có kháng cáo của: Bị đơn bà **Phan Bích Q.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông **Danh Hoài P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Danh Hoài P** và bà **Phan Bích Q** do quen biết và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, trước đó vợ chồng thuê nhà ở trọ tháng, năm 2015 thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột ông **P** sống. Năm

2018 anh có mở phòng khám bệnh, lúc đó vợ chồng mới bắt đầu ra ở riêng. Đến năm 2020 có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt và công việc dẫn đến thường xuyên cự cãi. Khoảng giữa năm 2021, do ông **P** phải đi trực tại **Bệnh viện D1** thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nên vợ chồng thường hay mâu thuẫn. Hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông và bà **Q** đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2021 đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà **Phan Bích Q.**

Về con chung: Ông và bà **Q** không có con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà **Q** có tạo lập được khối tài sản chung gồm có:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, loại SH125I, biển kiểm soát 95B1-679.65.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát 95B1-160.53.
- 37 chỉ vàng 24K gồm: 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 01 chiếc kiềng 05 chỉ, 01 chiếc lắc 05 chỉ, 07 chiếc nhẫn 12,5 chỉ, 01 vòng tỳ hưu đeo tay 1,5 chỉ.
- 33 chỉ vàng 18K, gồm: 02 sợi dây chuyền 15 chỉ, 01 bộ vòng 10 chỉ, 02 chiếc nhẫn 08 chỉ.
- Vật dụng trong nhà gồm: 01 máy lạnh hiệu Panasonic, 01 Tivi, 01 két sắt.
- Tiền đầu tư làm nhà tiền chế để mở tiệm tóc.
- Tiền nhận cổ đất của ông **Danh S** là 70.000.000 đồng.
- Tiền trợ cấp theo Nghị định 116 là 155.634.624 đồng.
- Tiền cho ông **Trần M** mượn 25.000.000 đồng.
- Tiền thuê nhà, đất của ông **Nguyễn Khải H**, thuê thời hạn 05 năm (từ ngày 23/3/2020 đến 23/3/2025), anh đã trả đủ tiền cho ông **H** là 24.000.000 đồng; ông chỉ ở đến tháng 12/2021 thì không ở nữa, còn bà **Q** vẫn tiếp tục ở đến nay. Phần tiền thuê nhà, đất ông yêu cầu chị **Q** phải hoàn lại cho anh 7.200.000 đồng (tức trừ đi thời gian anh đã ở 02 năm bằng 9.600.000 đồng, còn lại 14.400.000 đồng đây là tiền của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông đồng ý chia đôi, phần còn lại 7.200.000 đồng bà **Q** phải hoàn lại cho anh).

Khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên, yêu cầu được nhận bằng giá trị; anh đồng ý giao cho chị **Q** quản lý, sử dụng toàn bộ hiện vật.

Về nợ chung: Năm 2021, vợ chồng có vay của **Ngân hàng B** số tiền 50.000.000 đồng; anh là người đứng tên vay trong hợp đồng tín dụng; hình thức vay tín chấp, trừ dần hàng tháng vào tài khoản nhận lương của anh; mục đích vay là để sử dụng chung cho sinh hoạt gia đình; hiện chưa thanh toán hết nợ gốc. Khi ly hôn anh yêu cầu bà **Q** phải có trách nhiệm cùng ông trả số nợ này tính từ ngày vợ chồng không còn chung sống là tháng 12/2021 đến nay. Ngoài ra, vợ chồng ông không còn khoản nợ chung nào khác.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Phan Bích Q** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Danh Hoài P** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018. Trước đó bà và ông **P** chỉ quen biết và có quan hệ tình cảm nam nữ bình thường; còn việc thuê nhà ở chỉ là tạm thời trong thời gian hai người quen biết và tìm hiểu nhau. Sau đó, ông **P** có kêu bà về nhà cha mẹ ruột ông **P** sống được một thời gian (không nhớ chính xác là bao lâu) thì cha mẹ ruột bà qua đón bà về nhà. Đến năm 2018, ông **P** mở phòng khám bệnh thì mới chính thức chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2020 có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đến năm tháng 9/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, ông **P** không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2021.

Về con chung: Bà và ông **P** không có con chung.

Về tài sản chung: Theo như ông **P** trình bày là không đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng chỉ có tài sản chung gồm có:

- Các vật dụng trong nhà gồm: 01 máy lạnh; 01 tủ lạnh; 01 tivi; 01 két sắt.
- Thuê nhà, đất của ông **Nguyễn Khải H** để làm phòng khám bệnh và mở tiệm tóc.
- Tiền cho ông **Trần Mỹ S1** mượn 25.000.000 đồng hiện chưa trả.

Còn phần tiền trợ cấp: Ông **P** được hưởng và ông **P** tự lãnh như thế nào bà không biết, ông **P** không có đem tiền này về nhà. Bà có hỏi nhưng ông **P** nói là không được hưởng trợ cấp này.

Về số vàng: Ông P khai là không có, bà không biết và không có quản lý số vàng như ông P yêu cầu.

Về phần tiền nhận cổ đất của ông Danh S và bà Thị N là 70.000.000 đồng, lúc nhận cổ đất ông P đã bỏ nhà đi không còn chung sống với nhau nữa. Số tiền này là do bà làm tóc thu nhập được 20.000.000 đồng, mượn của bà Phan Thị Bích L 50.000.000 đồng. Phần nợ của bà L 50.000.000 đồng, bà đã vay của Ngân hàng C vào ngày 26/4/2022 để trả cho bà L xong. Phần tiền nhận cổ đất là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông P.

Về phần 02 chiếc xe: Trước khi về chung sống với ông P thì bà đã mua 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát 95B1-160.53, mua năm 2015. Đây là tài sản riêng của bà trước hôn nhân. Sau đó, đến năm 2019 thì bà bán chiếc xe VISION để mua 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại SH125I, biển kiểm soát 95B1-679.65, mua tháng 3/2019 với giá 80.000.000 đồng. Nguồn tiền mua xe SH là chị bán chiếc VISION được 14.000.000 đồng, phần tiền còn lại là tiền riêng của bà được cha mẹ ruột của bà cho để mua xe. Hiện cha mẹ bà đã lấy lại và đang quản lý chiếc xe SH. Đây là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông P. Chiếc xe VISION bà đã bán cho bà Phan Thị Bích D (là chị ruột), hiện cha mẹ bà đang quản lý chiếc xe này.

Về nợ chung: Việc anh P vay tiền của Ngân hàng B thì bà không biết số tiền này và không biết ông P vay sử dụng vào mục đích gì nên bà không đồng ý chia số nợ này. Về khoản nợ của Ngân hàng C và nợ của bà Bích L đây là nợ riêng của bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị N trình bày:* Bà và chồng là ông Danh S có cổ phần đất ruộng 03 công tầm 03m cho vợ chồng ông Danh Hoài P, bà Phan Bích Q; không nhớ ngày cổ đất, hai bên có lập giấy tay nhưng do bà Qui giữ. Vợ chồng bà đã nhận đủ số tiền cổ đất 70.000.000 đồng do ông P và bà Q đưa; sau đó có thuê lại phần đất này và trả tiền hàng năm. Nay do vợ chồng bà chưa có khả năng chuộc lại đất nên yêu cầu được tiếp tục thuê đất khi nào có khả năng thì chuộc lại.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị P1 (là mẹ ruột của bà Phan Bích Q) trình bày:* Về tài sản là 02 chiếc xe mô tô (01 chiếc VISON và 01 chiếc SH) hiện bà đang quản lý; 02 chiếc xe này là của bà mua cho con gái là bà Phan Bích Q sử dụng, chiếc VISON mua trước khi ông P và bà Q về chung

sống với nhau, còn chiếc SH thì mua sau nhưng tiền là của bà cho riêng bà Q mua. Riêng chiếc xe VISION, bà Q đã bán cho con ruột bà là Phan Thị Bích D, hiện bà D đi làm ăn xa gửi lại cho bà quản lý. Nay bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn NI (là cha ruột của bà Phan Bích Q) trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Dương Thị P1. Ngoài ra, không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích L (là chị ruột của bà Phan Bích Q) trình bày: Năm 2021, bà có cho bà Qui m số tiền 50.000.000 đồng, lúc mượn bà Q nói là mượn để nhận cổ đất. Sau đó khoảng 05 tháng, bà Q đã trả tiền cho bà xong, hiện không còn nợ nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích T1 (vợ ông Nguyễn Khải H) trình bày: Vợ chồng bà có cho ông Danh Hoài P, bà Phan Bích Q thuê nhà, đất tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời hạn thuê là 05 năm (từ ngày 23/3/2020 đến ngày 23/3/2025), giá thuê là 4.800.000đ/năm, tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Vợ chồng ông P, bà Q đã trả đủ số tiền 24.000.000 đồng. Hiện nay hợp đồng thuê vẫn còn thời hạn và không bên nào vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khải H (chồng của bà Trần Thị Bích T1) trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Trần Thị Bích T1. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh S, ông Trần Mỹ S1, bà Phan Thị Bích D quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C do ông Huỳnh Quốc VI là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 26/4/2022, bà Phan Bích Q có vay của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện G số tiền vốn 50.000.000 đồng. Bà Bích Q có trả vốn và lãi đầy đủ theo định kỳ, không vi phạm thời hạn trả nợ, không phát sinh nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp về khoản vay này thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP Đ** do ông **Trương Thanh T2** là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Tháng 3/2021, ông **Danh Hoài P** có vay vốn tại **B** số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0001/2021/10146983/HĐTD ký kết ngày 22/3/2021; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng, lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Quá trình vay vốn, ông **P** chưa phát sinh vi phạm hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 31/7/2023 thì khoản vay của ông **P** còn dư nợ là 11.156.801 đồng (trong đó, nợ gốc là 11.080.000 đồng, lãi 76.801 đồng). Ông **P** thống nhất sẽ tự trả hết các khoản vay còn nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp về khoản vay này thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Danh Hoài P**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông **Danh Hoài P** và bà **Phan Bích Q**.

2. Về con chung: Ông **Danh Hoài P** và bà **Phan Bích Q** xác định không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho ông **Danh Hoài P** phần giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tương đương số tiền 93.975.500 đồng (chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Buộc bà **Phan Bích Q** phải hoàn trả giá trị tài sản cho ông **Danh Hoài P** với số tiền là 93.975.500 đồng (chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

3.2. Bà **Phan Bích Q** được sở hữu và tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản chung gồm:

- Tiền cho ông **Trần Mỹ S1** vay 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).
- 01 (một) nhà tiền chế làm tiệm tóc, giá trị còn lại là 30.051.000 đồng (ba mươi triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng); xây dựng trên phần đất thuê của ông **Nguyễn Khải H**, tọa lạc tại **ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang**.

- Các vật dụng trong nhà gồm: 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu Panasonic, 01 (một) tủ lạnh nhãn hiệu Sharp, 01 (một) két sắt nhãn hiệu Sotud, 01 Tivi nhãn hiệu Mobell.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại SH125I, biển kiểm soát 95B1-679.65.

- Tiền nhận cổ đất của ông **Danh S**, bà **Thị N** là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

4. Về nợ chung: Ông **Danh Hoài P** tiếp tục thanh toán khoản nợ còn lại của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền 9.696.106 đồng (chín triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn một trăm lẻ sáu đồng); trong đó, vốn 9.690.000 đồng (chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), lãi 6.106 đồng (sáu nghìn một trăm lẻ sáu đồng).

Buộc bà **Phan Bích Q** phải hoàn trả cho ông **Danh Hoài P** số tiền 20.902.194 đồng (hai mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng) là khoản nợ mà ông **Danh Hoài P** đã thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí Tòa án và quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Vào ngày 15 tháng 9 năm 2023 bị đơn bà **Phan Bích Q** kháng cáo toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, với nội dung ra sau:

- Xác nhận tài sản là xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65, đây là tài sản riêng của bị đơn, được mẹ của bị đơn tặng cho;

- Không đồng ý chia đôi số tiền 70.000.000 đồng cổ đất, là tiền trong thời gian ly thân bà **Q** làm tiệm tóc có thu nhập 20.000.000 đồng và vay Ngân hàng Chính sách 50.000.000 đồng.

- Yêu cầu được nhận giá trị căn nhà tiền chế làm tiệm tóc, do căn nhà xây dựng trên phần đất thuê của họ hàng của ông **Danh Hoài P**.

- Không đồng ý chia đôi số nợ của ông **Danh Hoài P** vay của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**. Vì ông **P** vay tiền bà không biết và cũng mang về nhà chi tiêu trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Danh Hoài P** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà **Phan Bích Q** rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với phần

tài sản là nhà tiền chế làm tiệm tóc và các vật dụng trong gia đình, bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

*Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư bị đơn:* Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem chấp nhận tách vụ án đối với hợp đồng cổ đất giữa ông **Danh Hoài P**, bà **Phan Bích Q** với vợ chồng ông **Danh S** và bà **Thị N** và hợp đồng vay tài sản giữa ông **Danh Hoài P**, bà **Phan Bích Q** với ông **Trần Mỹ S1**, để giải quyết trong vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị đơn rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với 01 (một) nhà tiền chế làm tiệm tóc, giá trị còn lại là 30.051.000 đồng (ba mươi triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng); xây dựng trên phần đất thuê của ông **Nguyễn Khải H**, tọa lạc tại **ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang**; Các vật dụng trong nhà gồm: 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu Panasonic, 01 (một) tủ lạnh nhãn hiệu Sharp, 01 (một) két sắt nhãn hiệu Sotud, 01 Tivi nhãn hiệu Mobell. Luật sư cho rằng xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65 là tài sản riêng của bị đơn được cha mẹ tặng cho riêng. Đối với món nợ của nguyên đơn ông **Danh Hoài P** vay tại **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**, số tiền 50.000.000 đồng, bị đơn không biết và ông **P** không mang số tiền vay về sử dụng mục đích chung của vợ chồng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xác định món nợ 50.000.000 đồng của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** là nợ riêng của nguyên đơn ông **Danh Hoài S2**.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát nhận định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát 95B1-160.53 và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65 là tài sản riêng của bị đơn. Tài sản này bị đơn đứng tên quyền sở hữu và có trước khi đăng ký kết hôn với nguyên đơn ông **Danh Hoài P**.

Đối với món nợ của nguyên đơn ông **Danh Hoài P** vay tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**, số tiền 50.000.000 đồng, bị đơn không biết và ông **P** không

mang số tiền vay về sử dụng mục đích chung của vợ chồng. Do đó, nợ này là nợ riêng của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phan Bích Q đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65 là tài sản riêng của bị đơn; xác định món nợ của nguyên đơn ông Danh Hoài P vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, số tiền 50.000.000đồng là nợ riêng của nguyên đơn ông Danh Hoài P.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ án khác đối với các giao dịch vay tài sản giữa ông Danh Hoài P, bà Phan Bích Q với ông Trần Mỹ S1; giao dịch cổ đất giữa ông Danh Hoài P, bà Phan Bích Q với vợ chồng ông Danh S2 và bà Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo bị đơn đã rút tại phiên tòa phúc thẩm;

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

##### [1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Danh Hoài P và bà Phan Bích Q tự nguyện kết hôn năm 2020 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, chia tài sản khi ly hôn. Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” đúng với quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phan Bích Q có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

##### [2] Về nội dung

Bị đơn bà Phan Bích Q không đồng ý với Bản án sơ thẩm, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia tài sản chung và nợ chung như sau:

[2.1] Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65. Bị đơn bà Phan Bích Q cho rằng là tài sản riêng không đồng ý chia giá trị cho nguyên đơn ông Danh Hoài P.

Xét thấy, nguyên đơn ông Danh Hoài P và bị đơn bà Phan Bích Q đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, nhưng đến ngày 26 tháng 11 năm 2020 mới đăng ký kết hôn. Như vậy, xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65 được mua vào ngày 18 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn xác định là tài sản chung, yêu cầu chia, nhưng không chứng minh được nguồn tiền để mua chiếc xe. Bị đơn xác định được nguồn tiền để mua chiếc xe là tiền bán chiếc VISION và tiền cha mẹ cho để mua chiếc xe SH. Mặt khác, thời điểm mua xe giữa nguyên đơn và bị đơn chưa đăng ký kết hôn, nên việc nguyên đơn cho rằng chiếc xe là tài sản chung có sự đóng góp tiền của nguyên đơn, số tiền bao nhiêu để mua chiếc xe là sự cần thiết để nguyên đơn phải chứng minh. Đối với bị đơn đã chứng minh được bị đơn là người mua xe và đứng tên quyền sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, Biển số kiểm soát 95B1-679.65. Hội đồng xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Bích Q, công nhận xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65 là tài sản riêng của bị đơn.

[2.2] Đối với giao dịch cổ đất giữa nguyên đơn ông Danh Hoài P, bị đơn bà Phan Bích Q với ông Danh S2 và bà Thị N là giao dịch dân sự vô hiệu do trái với quy định Luật Đất đai. Tuy nhiên, các đương sự trong giao dịch chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng cổ đất, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Riêng phần tranh chấp số tiền nhận cổ đất 70.000.000đồng là tài sản chung hay tài sản riêng của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết công nhận số tiền 70.000.000đồng là tài sản chung, buộc bị đơn bà Phan Bích Q hoàn số tiền 35.000.000đồng cho nguyên đơn ông Danh Hoài P là không phù hợp, bởi giao dịch cổ đất chưa được giải quyết thì không có cơ sở để chia số tiền 70.000.000đồng. Mặt khác, nghĩa vụ hoàn trả số tiền cổ đất 70.000.000đồng là của ông Danh S2, bà Thị N, chứ không phải là trách nhiệm của bị đơn. Bản án sơ thẩm chưa giải quyết được toàn diện nội dung của giao dịch cổ đất. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tách giao dịch cổ đất giữa nguyên đơn

ông **Danh Hoài P**, bị đơn bà **Phan Bích Q** với ông **Danh S2** và bà **Thị N** để giải quyết bằng vụ án khác, khi các đương sự có yêu cầu.

[2.3] Về nợ chung, bị đơn bà **Phan Bích Q** không đồng ý chia đôi món nợ do nguyên đơn ông **Danh Hoài P** vay của **Ngân hàng B** số tiền 50.000.000đồng. Món nợ này do ông **Danh Hoài P** đứng tên vay vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại thời điểm này hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại. Tuy nhiên, việc ông **P** vay số tiền 50.000.000đồng với hình thức trả dần nợ gốc và lãi trừ vào lương hàng tháng của ông **P**, bà **Q** không biết và ông **P** không mang tiền về sử dụng chung trong gia đình. Ông **P** không chứng minh được số tiền này là nợ chung nên không có cơ sở buộc bà **Q** phải có trách nhiệm hoàn cho ông số tiền 20.902.194đồng như quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, bị đơn kháng cáo có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông **Danh Hoài P**, bị đơn bà **Phan Bích Q** với ông **Trần Mỹ S1**. Theo đó, ông **P** và bà **Q** đã thống nhất số tiền 25.000.000đồng tài sản chung cho ông **Trần Mỹ S1** vay. Tuy nhiên, tại hồ sơ chưa thu thập tài liệu chứng cứ về giao dịch vay tài sản. Việc cho vay chỉ có sự xác nhận của nguyên đơn và bị đơn, không có lời trình bày của ông **Trần Mỹ S1**. Như vậy, Bản án sơ thẩm chưa làm rõ giao dịch cho vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất hay không, thời hạn cho vay. Do đó, không có cơ sở để giải quyết buộc bị đơn bà **Phan Bích Q** có nghĩa vụ hoàn trả  $\frac{1}{2}$  giá trị số tiền 25.000.000đồng cho nguyên đơn. Nghĩa vụ trả nợ là của ông **Trần Mỹ S1**, ông có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông **P** bà **Q** mỗi người  $\frac{1}{2}$  số tiền 25.000.000đồng và tiền lãi suất nếu có. Bản án sơ thẩm buộc bà **Q** có trách nhiệm hoàn  $\frac{1}{2}$  số tiền 25.000.000đồng cho ông **Trần Mỹ S1** vay là không đúng, không đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải tách giao dịch vay tài sản ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có phát sinh tranh chấp.

[3] Bị đơn xin rút yêu cầu kháng đối với nội dung liên quan đến tài sản chung của vợ chồng là nhà tiền chế làm tiệm tóc, giá trị còn lại là 30.051.000đ (ba mươi triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng); xây dựng trên phần đất thuê của ông **Nguyễn Khải H**, tọa lạc tại **ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang**; Các vật dụng trong nhà gồm: 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu Panasonic, 01 (một) tủ lạnh nhãn hiệu Sharp, 01 (một) két sắt nhãn hiệu Sotud, 01 Tivi nhãn hiệu Mobell.

Việc rút kháng cáo của bị đơn bà **Phan Bích Q** là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với một phần kháng cáo bị đơn đã rút.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà **Phan Bích Q**, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà **Phan Bích Q** về công nhận xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, Biển số kiểm soát 95B1-679.65 là tài sản riêng của bị đơn; xác định món nợ số tiền 50.000.000đồng do nguyên đơn ông **Danh Hoài P** vay của **Ngân hàng B** là nợ riêng. Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Luật sư, quyết định sửa bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ án khác đối với các giao dịch dân sự liên quan đến hợp đồng cổ đất giữa nguyên đơn ông **Danh Hoài P**, bị đơn bà **Phan Bích Q** với vợ chồng ông **Danh S2** và bà **Thị N**; Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông **Danh Hoài P**, bị đơn bà **Phan Bích Q** với ông **Trần Mỹ S1**. Hội đồng xét xử xét thấy việc tách ra giải quyết bằng một vụ án khác là cần thiết để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, đồng thời đảm bảo thi hành án. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xác định xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125i, biển số kiểm soát 95B1-679.65 là tài sản riêng của bị đơn; xác định món nợ do nguyên đơn ông **Danh Hoài P** vay của **Ngân hàng B** số tiền 50.000.000đồng là nợ riêng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, đúng với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại tương ứng với giá trị tài sản mà mỗi bên được nhận. Đối với nguyên đơn thuộc diện người dân tộc Khomer được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6.2] Về án phí phúc thẩm: không ai phải chịu.

[4] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo bị đơn bà **Phan Bích Q** đã rút: Đối với nội dung liên quan đến tài sản chung của vợ chồng là nhà tiền chế làm tiệm tóc, giá trị còn lại là 30.051.000đ (ba mươi triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng); xây dựng trên phần đất thuê của ông **Nguyễn Khải H**, tọa lạc tại **ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang**; Các vật dụng trong nhà gồm: 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu Panasonic, 01 (một) tủ lạnh nhãn hiệu Sharp, 01 (một) két sắt nhãn hiệu Sotud, 01 tivi nhãn hiệu Mobell.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà **Phan Bích Q**.

Sửa Bản án sơ thẩm số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông **Danh Hoài P** và bà **Phan Bích Q**.

2. Về con chung: Ông **Danh Hoài P** và bà **Phan Bích Q** xác định không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho ông **Danh Hoài P** phần giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân số tiền 20.075.500đồng (hai mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) (giá trị đầu tư nhà tiền chế mở tiệm tóc và các vật dụng trong nhà có tổng giá trị 40.151.000đồng).

Buộc bị đơn bà **Phan Bích Q** có nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản chung, số tiền 20.075.500đồng (hai mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) cho nguyên đơn ông **Danh Hoài P**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Bà **Phan Bích Q** được sở hữu và tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản chung gồm:

- 01 (một) nhà tiền chế làm tiệm tóc, giá trị còn lại là 30.051.000 đồng (ba mươi triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng); xây dựng trên phần đất thuê của ông **Nguyễn Khải H**, tọa lạc tại **ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang**.

- Các vật dụng trong nhà gồm: 01 (một) cái máy lạnh nhãn hiệu Panasonic, 01 (một) cái tủ lạnh nhãn hiệu Sharp, 01 (một) cái kết sắt nhãn hiệu Sotud, 01 cái tivi nhãn hiệu Mobell.

3.3. Công nhận tài sản riêng của bị đơn bà **Phan Bích Q**: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại SH125I, biển kiểm soát 95B1-679.65 do bà **Phan Bích Q** đứng tên quyền sở hữu tài sản.

3.4. Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác đối với các giao dịch dân sự:

- Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông **Danh Hoài P**, bị đơn bà **Phan Bích Q** với ông **Trần Mỹ S1**, số tiền cho vay 25.000.000đồng;

- Hợp đồng cố đất giữa nguyên đơn ông **Danh Hoài P**, bị đơn bà **Phan Bích Q** với ông **Danh S2** và bà **Thị N**, số tiền cố đất 70.000.000đồng.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn ông **Danh Hoài P** và bà **Phan Bích Q** không có nợ chung.

Về món nợ đối với **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền vốn vay 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), là nợ riêng của nguyên đơn ông **Danh Hoài P**.

5. Về án phí: Ông **Danh Hoài P** được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà **Phan Bích Q** phải chịu 1.003.775đồng (một triệu không trăm linh ba nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Ông **Danh Hoài P** phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng), đã thực hiện xong. Bà **Phan Bích Q** phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng), bà **Phan Bích Q** phải nộp tại Chi Cục Thi hành án huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, để hoàn trả cho anh **Danh Hoài P**.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Phụng**